



Thiếu QUÊ HƯƠNG

Đ i từ Sài Gòn, phải qua Bắc Mỹ Thuận, rời Bắc Vàm Cống đã thấy hết một ngày ngồi xe đò, nếu là người già thì thật mệt mỏi. Cũng may năm ấy tôi vừa hai mươi tuổi thì làm gì đã thấy vất vả. Hơn nữa đây lại là lần đầu tiên tôi đi đến một miền đất lạ là Miền Tây Nam Bộ. Từ Bắc Vàm Cống nếu rẽ về phía tay trái thì sẽ đi thẳng đến tỉnh lỵ Rạch Giá, còn nếu đi về phía tay phải sẽ là Long Xuyên.

Tôi nhận đi dạy học cho một xứ đạo ở Cái Sắn theo lời mời của vị linh mục cai quản ở đó. Cái Sắn là một vùng đất trù phú của người Bắc di cư vào miền Nam tổ chức thành làng nằm song song với tên gọi Kênh A, B đến kênh H, nằm ở giữa Vàm Cống và Rạch Giá. Muốn vào Kênh phải

đi dò từ đường bộ dọc suốt con kênh và nhà cửa chia lô khoảng cách đều đặn hai bên bờ kênh dài tới mười mấy cây số. Người dân ở đây chủ yếu sống bằng nghề nông mỗi năm với một mùa nước lũ chảy từ Biển Hồ Cao Miên xuống nên thích hợp với một loại lúa sạ có khả năng ngoi lên khỏi mặt nước bất kể tới đâu, nhiều khi có cả tới năm mét nước cao so với mùa khô. Phương tiện di chuyển giao thông với bên ngoài chỉ là mỗi ngày một con đò nhỏ gắn máy đuôi tôm cạ cạ ra vào con kênh ▶

► một bận, thường khách đi đò không nhiều. Mấy nhà bán hàng xén, tạp hóa ra tỉnh lỵ cất hàng về bán lẻ, một vài người lên tỉnh lo thủ tục giấy tờ hoặc đi thăm thân nhân ở Sài Gòn hay các tỉnh khác. Và cũng vì vậy khung cảnh làng mạc quanh năm yên tĩnh, chỉ nghe xa xa tiếng xe cộ vọng vào, tiếng người văng vẳng nói cười, tiếng chó sủa cùng tiếng gà gáy càng làm nổi bật cái tịch mịch, cô quạnh của cái không gian mênh mang ấy. Không gian xa cách tuy không là bao, nhưng nơi tôi ở xem ra như là một thế giới rất khác biệt với Sài Gòn nơi tôi thường sống. Hình như dân làng ở đây, sau khi rời bỏ làng mạc với những tập quán và tâm hồn đơn sơ mộc mạc từ phương Bắc, họ đến đây vẫn mang theo nếp sống đơn sơ ấy và không hội nhập hay qua một giai đoạn chuyển tiếp phức tạp nào. Vẫn quen với cảnh làm ruộng đồng áng, cần cù chân lấm tay bùn. Giao tế là nếp sống xã ấp với qui ước cũ, không tham vọng, không bon chen. Mùa gặt là thời gian sinh động, vui tươi nhất. Đàn ông, đàn bà, trẻ con đều ra đồng hết. Kể cắt lúa, người xếp lúa lên xe “cộ” buộc trâu bò vào cộ để kéo về nhà, đập lúa, sàng, sảy, phơi phong. Trẻ con thì tát đìa, bắt cá, hái bông súng về làm thức ăn hay chạy nhảy, la ó chơi đùa. Sau những tháng dài dầm mình dưới làn nước lũ mênh mông, lặng thinh trong mưa gió ướt át này, người, cảnh vật đều trở dậy chứng tỏ sự hiện hữu của mình.

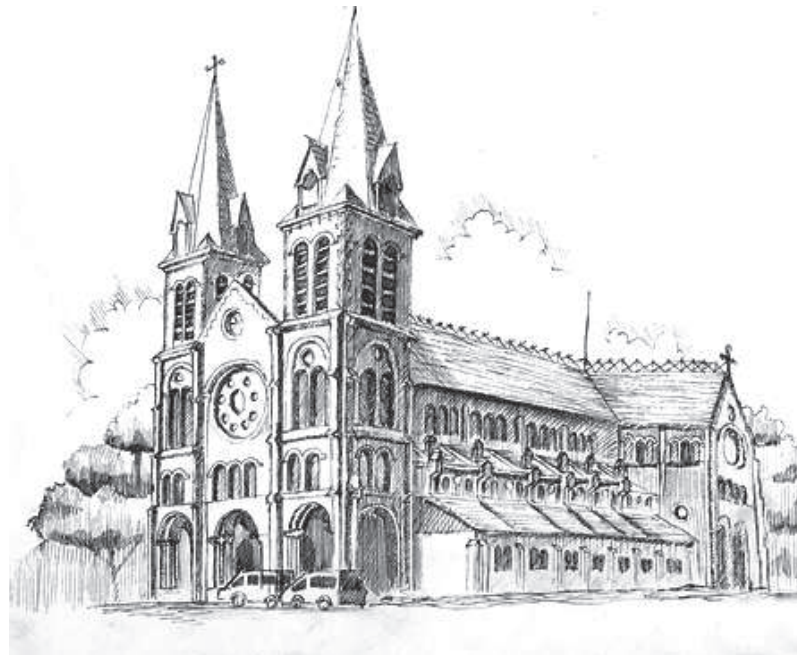
Tôi và một người bạn khi đến đây thì đã là mùa khô, lúa đã lên cọt, lên bồ, rơm đã đánh đồng và cánh đồng trở lại trơ trọi với những cuống rạ còn lờm chờm. Đây đó, nước còn đọng lại những chỗ ruộng trũng, người dân gọi là đìa, chỉ một thứ cây bông súng, cỏ, lác có thể mọc được. Thôi thì không biết cơ man nào là tôm mà kể. Giai đoạn tát đìa đang bắt đầu, công việc này thường thì không cần người lớn bây giờ sau vụ gặt làm lưng cật lực, họ bắt đầu thanh thoi: nằm võng, đu đưa mơ màng giấc mơ no ấm, bèn đồng rơm, họ tụ tập kháo nhau về thu hoạch, hút thuốc lào, hay uống nước trà, nước vối. Những người thanh niên trẻ, những cậu bé mười, mười lăm tuổi dưới ánh nắng rất bỏng, chan chứa mùa hè, chân tay, mặt mũi đầy đất bùn đen, nhiều chỗ đã khô biến thành màu trắng xám trông giống như những thằng Rô bạt ở tiệm đồ chơi. Nước tát cạn đến đáy trơ ra một lớp bùn sền sệt, những con cá lóc, cá rô, cá trê cảm thấy nguy cơ trườn, nhảy cuống quýt như tìm cách thoát nạn. Tiếng chân người lồm bồm, rượt đuổi, chụp giật và tiếng hò reo thật náo động, rất hào hứng. Cá, lươn, rùa, rắn... bắt được từ mỗi đìa nhiều khi có đến mười, hai chục giạ (mỗi giạ bằng hai thùng sắt tây, đơn vị đo lường của người dân ở đây). Không nghe thấy ai nói đến một thứ chợ trao đổi, buôn bán thực phẩm ở đây, vì ở đây người ta thực thi kiểu kinh tế tự túc một cách rất nhịp nhàng tự nhiên và hiệu quả.

Vị linh mục quản nhiệm là một người đã khá già nhưng tinh thần rất cầu tiến và quan tâm đến đời sống tinh thần của con chiên mình nên mới có chuyện chúng tôi về đây giúp mở mang kiến thức cho đám học trò đa phần đã quá lứa. Ông công khai, đường đường ở nhà thờ lồng trong những bài giảng về đạo, cổ võ khuyến khích và thúc giục những con chiên trẻ theo học những lớp sắp khai giảng. Vì theo Ngài, tuy sống trong khung cảnh đồng áng, muốn sống cho có ý nghĩa, người ta vẫn cần một số vốn liếng hiểu biết căn bản về thế giới chung quanh, chưa kể là muốn trở thành một tăng đồ của giáo hội Công giáo thuần thành, cần phải võ trang một số kiến thức bởi vì vô tri thì bất mộ. Thái độ tích cực của ông cha già mà dân

chúng coi rất đáng kính, đáng yêu của họ có kết quả tích cực. Chúng tôi ghi tên được trên dưới năm chục “em”, em ở đây là những học trò ở độ tuổi từ mười bốn, mười lăm đến ba mươi, ba mươi hai, đã có vợ có con. Với những trình độ học lực, tuổi tác miên man như vậy, chúng tôi bàn nhau chia ra ba lớp với trình độ đại khái khác nhau, áng chừng lớp đệ thất, đệ lục, đệ ngũ. Tôi và anh bạn chia nhau phụ trách các môn học luân phiên cho cả ba lớp.

Trường học là một dãy nhà lợp mái, tường vách đều bằng lá dừa nước, trên nền nhà đất sét nện phẳng, và bàn ghế thì bằng gỗ ván thô sơ. Lần đầu tiên bước chân vào một lớp học khác thường thế này tôi thật sự bối rối, không phân biệt nổi cảm giác của mình như thế nào. Tôi chỉ nhớ là đột nhiên mình đã trở thành người lớn hẳn hoi. Dưới kia là đám học trò nam nữ lớn nhỏ đang nghiêm trang, khoanh tay trước ngực, mắt chăm chăm nhìn tôi nửa như kính phục, nửa như dò hỏi. Phục sức của học trò chỉ là quần nâu, áo đen rất quen thuộc, tôi nhìn thấy ở họ trên đồng ruộng. Có em mặc quần đùi. Điều đặc biệt và đồng nhất là mọi người đều đi chân đất, không giầy dép. Học cụ của các trò cũng rất đơn sơ, một tập vở mỏng manh, có tập mép đã quần xoắn, có thể là tập vở cũ của những năm trước còn sót lại với một cây viết nguyên tử dính đất cát bẩn, hoặc một cây viết chì

vừa đi ra từ tiệm tạp hóa bên cạnh nhà thờ hiện chưa kịp chuốt. Vẻ đơn sơ đến nghèo nàn ở đây gây cho tôi một phút băng khuâng pha chút ngậm ngùi về những con người mang những số phận rủi may không có quyền lựa chọn. Nhưng cứ nhìn vào từng ánh mắt của họ tôi trực nhận là họ không có những băn khoăn, bồi hồi như tôi. Họ chỉ sống an phận, hồn nhiên làm tạo vật trong ý định quan phòng của Chúa. Tôi bỗng cảm thấy ấm áp ở trong lòng vì hình như giữa tôi và đám học trò từ hôm nay đã phát sinh một thứ liên hệ tình cảm thiêng liêng, gắn bó như một tiền định. Lúc đầu, vì sự lễ phép cung kính của đám học trò nhiều anh đã có vợ, có con khiến tôi có ý nghĩ là vì miễn cưỡng họ phải theo tác động của cha xứ. Sau này, để ý, trong những lớp học, họ thật sự tin tưởng, hăm mộ, cầu tiến và biết ơn những hiểu biết chúng tôi truyền đạt cho họ. Tôi yêu thích họ hơn khuôn mẫu thầy trò thật ra chỉ có trong lớp học với câu “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” mà ông cha hay trích dẫn. Ra về nhà, chúng tôi là những người bạn rất thân tình, chưa kể là tôi còn tìm thấy ở họ những kinh nghiệm lý thú về đời sống gia đình, con cái, những khó khăn đời sống vật chất và những trói buộc của luân lý, đạo đức ông bà để lại. ▶



► Thời gian tôi ở Cái Sắn không lâu, chỉ được coi như bước đi đầu tiên tôi thử thách vào đời xem sự thế ra sao và cũng bởi vì tuổi đời còn nhiều ước vọng thôi thúc với lại những hệ lụy gia đình và luật lệ xã hội ràng buộc khiến tôi lại phải quay về thành phố. Nhưng mỗi khi chợt kiểm điểm lại hành trang mang theo của đời mình, những nơi chốn mình đã đi qua, đã để lại dấu ấn khó phai mờ trong tâm khảm của tôi. Cái Sắn vẫn là nơi tôi gửi gắm nhiều kỷ niệm, nơi tôi thật sự thương yêu, gắn bó với những người nông dân hiền lành và đầy tình nghĩa của xứ đạo Kênh G. Tôi vẫn thiết tha giữ ý định có ngày tôi sẽ trở về Cái Sắn để thăm chốn cũ.

Đã bao năm qua trôi nổi, xô dạt với dòng đời chen lấn, tôi vẫn chưa thực hiện được ước mơ. Không gì dễ dàng bằng chỉ cần bỏ ra một ngày, đáp xe đò về miền Tây, qua hai con bắc, thuê đò vào xứ đạo ngày trước. Thế mà, có lần tôi đã chợt nhớ là mình đang đi ngang qua con Kênh ngày xưa. Nhưng mà tâm trạng của tôi lúc ấy thật thê



thảm: Tôi như người đang đắm đuối giữa con nước ngược dòng, dù hết sức cũng không tài nào quay trở lại.

Cảm giác bơi ngược dòng như vậy, tôi lại bắt gặp một lần nữa ngày tôi trở về Việt Nam sau hơn ba chục năm xa cách để tìm lại Quê Hương. Tôi nghĩ không còn thứ tình cảm nào có thể so sánh với cơn đau gần như tuyệt vọng khi biết mình đã thất lạc ngay giữa nơi chôn nhau cắt rốn của mình!

Một tình cờ, trên bước đường rong ruổi, tôi gặp một người gốc ở Cái Sắn. Hỏi thăm mới biết vị linh mục xưa nay đã về với Chúa. Những người trong Hội đồng Mục Vụ của nhà thờ coi như không còn ai. Trong số những học trò cũ một người đã trở thành Linh Mục, hai dì phước và ba người thì đã tử trận ở chiến trường miền Nam.

Thời gian tôi ở Mỹ kể ra đã dài hơn cả thời gian sống ở miền Bắc và Nam của nước Việt, vậy mà tôi vẫn thấy nơi đây không gọi được là Quê Hương dù có người đã gọi bóng bẩy là Quê Hương thứ hai, đất Tầm Dung. Ngoài ra những vùng đất tôi đến định cư vẫn dài và những nơi chốn tôi đến rồi đi cũng không ít, vốn cũng chỉ là để tìm một chỗ cho tâm hồn nghỉ ngơi, một nơi chốn mình cảm thấy thân thương gắn bó. Thế mà ước mơ của tôi mỗi ngày mỗi mong manh, ngày tháng sẽ vơi cạn mà tâm hồn thì trống vắng của kẻ thiếu Quê Hương.

Châu Giang